TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 379/2019/HNGĐ-ST Ngày: 12-7-2019 V/v: Ly hôn và nuôi con giữa chị T và anh T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Cải

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 615 đường T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số nhà 513 đường Đ, xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Hữu T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 7 P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16-5-2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Hữu T được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N vào ngày 07-4-2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau. Bản thân anh T ham chơi cờ bạc. Hai vợ chồng đã phải bán nhà để trả nợ cho anh T, hiện chị đã cùng hai con chuyển về gia đình bố mẹ đẻ của chị sinh sống. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Trần Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Phạm Khánh A, sinh ngày 05-12-2011 và Trần Hữu Hải Đ, sinh ngày 28-01-2016. Hiện cả hai con và chị đang ở nhà của bố mẹ đẻ của chị (ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị H) số nhà 513 đường Đ, xã L, thành phố N. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Nếu Tòa án không chấp nhận cho chị được nuôi dưỡng cả hai cháu, thì chị xin được nuôi cháu Đ vì cháu còn nhỏ, nay vẫn thường xuyên đau ốm nên cần có sự chăm sóc của mẹ, bản thân chị có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc cho cháu Đ. Còn cháu Trần Phạm Khánh A, do cháu đã lớn, có khả năng tự làm được một số việc để chăm sóc cho bản thân, nên đề nghị giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21-5-2019 và tại phiên tòa bị đơn là anh Trần Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn như chị T trình bày. Quá trình chung sống theo anh vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thu nhập của hai bên không tương đồng, vợ chồng lại thiếu sự quan tâm, chia sẻ, bất đồng về quan điểm sống, và cũng do anh một phần không quan tâm đến vợ con. Nay anh cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị T.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị T đã trình bày. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu A và Đ, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Nếu Tòa án không chấp nhận cho anh được nuôi dưỡng cả hai con, thì anh xin được nuôi dưỡng cháu Trần Hữu Hải Đ vì cháu là cháu đích tôn của gia đình. Anh đủ khả năng về kinh tế để đảm bảo cho cháu Đ phát triển một cách tốt nhất. Anh và mẹ đẻ của anh đang ở nhờ nhà của bà nội anh là Trần Thị K (tức T) tại tổ 7 P, phường L, thành phố N nên có sự

hỗ trợ tốt trong việc chăm sóc cho cháu Đ. Anh đề nghị chị T nuôi cháu Trần Phạm Khánh A, và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 21-5-2019, chính quyền địa phương nơi chị T và anh T sinh sống cung cấp: Vợ chồng chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T sinh sống tại số nhà 513 đường Đ, xã L, thành phố N nhưng không có hộ khẩu thường trú tại đây. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo tổ dân phố hòa giải. Vợ chồng có 2 con chung là Trần Phạm Khánh A và Trần Hữu Hải Đ.

Biên bản lấy lời khai ngày 24-5-2019 cháu Trần Phạm Khánh A có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con Trần Phạm Khánh A; giới tính: nữ sinh ngày 05-12-2011 cho anh Trần Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Trần Hữu Hải Đ; giới tính: nam; sinh ngày 28-01-2016 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07-4-2010 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, hay xảy ra cãi chửi nhau, và hai bên đã sống ly thôn. Chị T và anh T đều thống nhất đề nghị giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn

giữa vợ chồng chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T có hai con chung là Trần Phạm Khánh A, sinh ngày 05-12-2011 và Trần Hữu Hải Đ, sinh ngày 28-01-2016. Xét điều kiện thực tế chị T và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho mỗi người nuôi một con. Tuy nhiên cháu Đ còn nhỏ (42 tháng tuổi) nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Cháu A có nguyện vọng được ở với bố nên căn cứ vào điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung; để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển của các con chung, Hội đồng xét xử cần giao cháu Trần Hữu Hải Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Phạm Khánh A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị T, anh Trần Hữu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T.

2. Về nuôi con:

- Giao con Trần Phạm Khánh A; giới tính: nữ; sinh ngày 05-12-2011 cho anh Trần Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao con Trần Hữu Hải Đ; giới tính: nam; sinh ngày 28-01-2016 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T và anh Trần Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị T, anh Trần Hữu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002258 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T, anh Trần Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND P. L, TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang